

**LESSON 1****I. NEW WORDS**

|               |                            |
|---------------|----------------------------|
| - bookshop    | : cửa hàng sách, hiệu sách |
| - bakery      | : hiệu bánh mì             |
| - bread       | : bánh mì                  |
| - pharmacy    | : hiệu thuốc               |
| - sweet shop  | : cửa hàng kẹo             |
| - supermarket | : siêu thị                 |
| - medicine    | : thuốc                    |
| - buy         | : mua                      |
| - chocolate   | : sô-cô-la                 |